

Số: 2793/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất thay thế áp dụng bồi thường công trình Khu tái định cư thuộc Dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.*

*Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng chính phủ, về chủ trương đầu tư Dự án “Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long”, do WB và Chính phủ Hà Lan (thông qua RVO) tài trợ;*

*Căn cứ Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc cam kết, tiếp thu ý kiến của Ngân hàng Thế giới và đảm bảo thủ tục xây dựng khung chính sách tái định cư (RPF) và lập báo cáo Kế hoạch Tái định cư (RP) cho dự án “Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long” do WB và Chính phủ Hà Lan (thông qua RVO) tài trợ phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5142/TTr-STNMT ngày 01/12/2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2304/QĐ- UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ Trình số 5142/TTr-STNMT ngày 01/12/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất thay thế áp dụng bồi thường Công trình Khu tái định cư thuộc Dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, như sau:

TT	Nội dung	Vị trí	Bảng giá đất từ năm 2020-2024 (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất	Giá đất bồi thường (làm tròn) (đồng/m <sup>2</sup> )	Lệ phí trước bạ 0,5% (làm tròn) (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá đất bồi thường (bao gồm lệ phí trước bạ) (làm tròn) (đồng/m <sup>2</sup> )
1	Đất trồng cây lâu năm (có vị trí tiếp giáp mặt đường)	1	324.000	20,162	6.532.500	32.700	6.565.200
2	Đất trồng cây lâu năm (không tiếp giáp mặt đường)	1	270.000	13,741	3.710.100	18.600	3.728.700
3	Đất nuôi trồng thủy sản (có vị trí tiếp giáp mặt đường)	1	324.000	20,162	6.532.500	32.700	6.565.200
4	Đất nuôi trồng thủy sản (không tiếp giáp mặt đường)	1	270.000	13,741	3.710.100	18.600	3.728.700
5	Đất trồng cây hàng năm (có vị trí tiếp giáp mặt đường)	1	276.000	12,754	3.520.100	17.600	3.537.700
6	Đất trồng cây hàng năm (không tiếp giáp mặt đường)	1	230.000	12,754	2.933.400	14.700	2.948.100
7	Đất ở tại đô thị, đường Phan Văn Đáng (ngã tư bến xe - cầu Vàm)	1	4.500.000	3,991	17.959.500	89.800	18.049.300
8	Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị, đường Phan Văn Đáng (ngã tư bến xe - cầu Vàm)	1	3.825.000	3,991	15.265.600	76.300	15.341.900
9	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị, đường Phan Văn Đáng (ngã tư bến xe - cầu Vàm)	1	3.375.000	3,991	13.469.600	67.300	13.536.900
10	Đất ở tại đô thị, đường Nguyễn Văn Lâu (cầu Càng - giáp khu vượt lũ Phường 8)	1	1.800.000	4,911	8.839.800	44.200	8.884.000
11	Đất ở tại đô thị còn lại phạm vi phường	Còn lại	1.000.000	6,190	6.190.000	31.000	6.221.000
12	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường	Còn lại	750.000	6,190	4.642.500	23.200	4.665.700

TT	Nội dung	Vị trí	Bảng giá đất từ năm 2020-2024 (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất	Giá đất bồi thường (làm tròn) (đồng/m <sup>2</sup> )	Lệ phí trước bạ 0,5% (làm tròn) (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá đất bồi thường (bao gồm lệ phí trước bạ) (làm tròn) (đồng/m <sup>2</sup> )
13	Đất ở tại đô thị còn lại phạm vi phường (đoạn đường nhựa từ cầu Mười Láng đến đường Nguyễn Văn Lâu)	Còn lại	1.000.000	7,892	7.892.000	39.500	7.931.500
14	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường (đoạn đường nhựa từ cầu Mười Láng đến đường Nguyễn Văn Lâu)	Còn lại	750.000	7,892	5.919.000	29.600	5.948.600

Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Theo quy định tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành đơn giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tại Phụ lục 17: Đơn giá đăng ký biến động đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đối với đất ở dưới 500m<sup>2</sup> là 709.000 đồng/giấy; đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ dưới 500m<sup>2</sup> là 659.000 đồng/giấy; các loại đất còn lại: dưới 1.000m<sup>2</sup> là 739.000 đồng/giấy, từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000m<sup>2</sup> là 609.000 đồng/giấy.

Đối với những hộ bị giải tỏa trắng và những hộ thuộc đối tượng tái định cư tập trung (kể cả những hộ không nhận tái định cư tập trung mà tự lo chỗ ở) được hỗ trợ lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.000đồng/giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chi phí ngày công khi thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 807.500đồng/hồ sơ chuyển nhượng.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 4.20.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**